

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| 1.1. Các loại vật liệu chính: cát, đá dăm, cấp phối đá dăm, Bê tông nhựa, thép, xi măng, ống cống đúc sẵn, cột điện bê tông li tâm, đèn chiếu sáng, sơn kẻ vạch đường, nhựa đường, biển báo hiệu giao thông,... | Có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị sản xuất hoặc đơn vị bán hàng, kèm theo giấy phép đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp; Trường hợp nhà thầu có chức năng sản xuất hoặc kinh doanh vật liệu xây dựng thì cung cấp tài liệu chứng minh. | Đạt |
| | Không có hợp đồng nguyên tắc hoặc tài liệu chứng minh nhà thầu có chức năng sản xuất hoặc kinh doanh vật liệu xây dựng theo yêu cầu. | Không đạt |
| 1.2. Cam kết chất lượng vật liệu | Nhà thầu phải có các cam kết sau: - Cam kết tất cả các loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu sử dụng cho gói thầu đáp ứng theo các quy định tại QCVN 16:2023/BXD quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng) - Cam kết tất cả các loại vật liệu xây dựng sử dụng cho gói thầu đều có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và đảm bảo chất lượng theo các quy trình thi công và nghiệm thu hiện hành. | Đạt |
| | Không có cam kết đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| Kết luận | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

2. Giải pháp kỹ thuật:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------|
| 2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |

| | | |
|---|---|-----------------------|
| phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc, vệ sinh an toàn lao động và PCCC trong quá trình thi công (bao gồm thuyết minh, bản vẽ) | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng nhưng thiếu giải pháp kỹ thuật về lán trại. | Chấp nhận được |
| | Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| 2.2. Có sơ đồ hệ thống tổ chức bộ máy quản lý trên công trường kèm thuyết minh gồm các bộ phận: Quản lý tiến độ, kỹ thuật, hành chính kế toán, chất lượng, vật tư, máy móc, thiết bị an toàn lao động, an ninh, môi trường và thuyết minh rõ trách nhiệm của từng nhân sự chủ chốt. | Có sơ đồ hệ thống tổ chức bộ máy quản lý trên công trường, kèm thuyết minh gồm đầy đủ các bộ phận theo yêu cầu và thuyết minh trách nhiệm của từng nhân sự chủ chốt. | Đạt |
| | Không có sơ đồ hệ thống tổ chức bộ máy quản lý trên công trường, kèm thuyết minh gồm đầy đủ các bộ phận theo yêu cầu hoặc không có thuyết minh trách nhiệm của từng nhân sự chủ chốt. | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chuẩn chi tiết 2.2 được xác định là đạt, tiêu chuẩn chi tiết 2.1 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được. | Đạt |
| | Không thuộc các trường hợp nêu trên. | Không đạt |

3. Biện pháp tổ chức thi công, quản lý dự án:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| 3.1. Biện pháp thi công các hạng mục chính: Đường giao thông, điện chiếu sáng, di chuyển đường điện | Trình bày biện pháp thi công hợp lý, khoa học, mô tả biện pháp, công nghệ thi công các hạng mục chính theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật, phù hợp theo các quy định hiện hành. | Đạt |
| | Không trình bày hoặc trình bày không đầy đủ/ không phù hợp | Không đạt |
| 3.2 Biện pháp thi công không làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận | Nhà thầu có thuyết minh về biện pháp thi công không làm ảnh hưởng đến cảnh quan, kết cấu, môi trường,... của công trình lân cận. Có cam kết về việc thi công đảm bảo không làm ảnh hưởng đến công trình lân cận, nếu ảnh hưởng đến công trình lân cận thì nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm | Đạt |
| | Nhà thầu không có thuyết minh về biện pháp thi công không làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận | Không đạt |

| | | |
|-----------------|---|------------------|
| | cận hoặc không có cam kết | |
| Kết luận | Tiêu chuẩn chi tiết 3.1, 3.2 được xác định là đạt | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt | Không đạt |

4. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| 4.1. Tiến độ thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 360 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 360 ngày có tính đến điều kiện thời tiết. và đáp ứng các yêu cầu quy định về tiến độ và thời hạn quy định tại chương V của EHSMT | Đạt |
| | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 360 ngày | Không đạt |
| 4.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công c) Giữa cung ứng vật liệu và tiến độ thi công | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 3 nội dung a) và b) và c). Có biểu đồ huy động nhân lực; biểu đồ huy động máy móc, thiết bị thi công | Đạt |
| | Đề xuất không đủ 3 nội dung a) và b) và c) hoặc không có đầy đủ biểu đồ | Không đạt |
| 4.3. Biểu đồ tiến độ thi công, biểu đồ huy động nhân lực, biểu đồ huy động máy móc hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT | Có Biểu đồ tiến độ thi công, biểu đồ huy động nhân lực, biểu đồ huy động máy móc hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT. | Đạt |
| | - Không có Biểu đồ tiến độ thi công, biểu đồ huy động nhân lực, biểu đồ huy động máy móc. - Biểu đồ tiến độ thi công, biểu đồ huy động nhân lực, biểu đồ huy động máy móc không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật. | Không đạt |
| Kết luận | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| 5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong suốt quá trình triển khai thi công | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |
| 5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào đề | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có | Không đạt |

| | | |
|----------------------------|--|------------------|
| phục vụ công tác thi công. | biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công. | |
| Kết luận | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| 6.1. An toàn lao động | | |
| Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |
| 6.2. Phòng cháy, chữa cháy | | |
| Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |
| 6.3. Vệ sinh môi trường | | |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |
| Kết luận | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

7. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| 7.1. Bảo hành | | |
| Thời gian bảo hành 12 tháng. | Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng. | Đạt |
| | Có đề xuất thời gian bảo hành dưới 12 tháng hoặc không đề xuất thời gian bảo hành. | Không đạt |
| 7.2. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 | | |

| và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | | |
|---|---|-----------------------|
| Kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu | Có bản cam kết không xảy ra trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Đạt |
| | Vi phạm một trong các nội dung theo quy định khoản 1, Điều 20 Nghị định số 214/2025/ NĐ-CP ngày 04/8/2025 nhưng có Bảo đảm dự thầu gấp 03 lần giá trị yêu cầu trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này theo quy định tại mục 18.2 E-CDNT, Chương II của E-HSMT | Chấp nhận được |
| | Không có bản cam kết hoặc Bên mời thầu có bằng chứng cho thấy nhà thầu cam kết không trung thực | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chuẩn chi tiết 7.1 được xác định là đạt và 7.2 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt | Không đạt |

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Ghi chú:

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

*** Lưu ý nhà thầu:**

Giá gói thầu là giá trị đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng. Nhà thầu tham dự thầu chào giá trị dự thầu với mức thuế xuất 10% đối với những phần công việc được điều chỉnh thuế theo quy định hiện hành của Pháp luật.